

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 09/02/2023 của Chính phủ “*Nghị quyết phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 01 năm 2023*”, theo đó, Chính phủ thống nhất trình Quốc hội cho ý kiến đối với Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024); tuân thủ quy trình xây dựng dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản tại Quyết định số 476/QĐ-BTNMT ngày 06/3/2023 và thành lập các Tiểu ban biên tập chuyên đề về khoáng sản, Tiểu ban biên tập chuyên đề về địa chất, Tiểu ban biên tập chuyên đề về kinh tế địa chất và khoáng sản tại Quyết định số 668/QĐ-BTNMT ngày 23/3/2023. Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật Địa chất và Khoáng sản tại Quyết định số 965/QĐ-BTNMT ngày 19/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản đã được Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng và được Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, hoàn thiện dự thảo theo ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan cũng như người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt Dự thảo Luật đã được Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định và đã có Báo cáo thẩm định số.../BC-BTP ngày...tháng...năm 2023. Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ cho ý kiến đối với Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản trước khi hoàn thiện, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại Kỳ họp lần thứ 7 (tháng 5/2024).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở thực tiễn

Sau 13 năm thực hiện Luật Khoáng sản (được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17/11/2010, có hiệu lực từ ngày 01/7/2011), đến nay Quốc hội đã ban hành **01** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản liên quan đến quy hoạch, **01** Nghị quyết liên quan đến tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Chính phủ ban hành **12** Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành **04** Quyết định; các Bộ, ngành liên quan ban hành hơn **60** Thông tư. Có thể nói, hệ thống văn bản pháp luật về khoáng sản cơ bản đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

về khoáng sản; đẩy mạnh điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; quản lý khoáng sản ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn.

Về công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản: Đến nay, đã hoàn thành 14 đề án lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền trên diện tích 42.550 km² (nâng tổng diện tích đã lập đạt **73,19** % diện tích đất liền); phát hiện, điều tra nhiều điểm mỏ khoáng sản, xác định tài nguyên nhiều khu vực có triển vọng, trong đó nhiều khu vực đã thăm dò và đang khai thác hiệu quả. Hoàn thành điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 đến 1:500.000 trên diện tích hơn 244.000 km² vùng biển độ sâu 0-100m nước; 24 đề án đánh giá khoáng sản. Nhiều khoáng sản quan trọng, chiến lược đã được điều tra, đánh giá (than nâu đồng bằng sông Hồng; bô-xít Tây Nguyên; titan từ Ninh Thuận đến bắc Bà Rịa - Vũng Tàu; vàng; kaolin - fenspat; đá ốp lát.v.v. ...).

Kết quả điều tra, đánh giá đã đăng ký trên bản đồ **841** điểm khoáng sản, khoáng hóa; trong đó phát hiện mới **489** điểm khoáng sản các loại như: quặng sắt ở Tân An (Yên Bái); graphit ở Bảo Thắng (Lào Cai); vàng ở Tân Uyên (Lai Châu), Phước Sơn (Quảng Nam); kaolin - fenspat ở Bảo Thắng (Lào Cai), Tân Biên (Tây Ninh); quặng đồng ở Kon Rẫy (Kon Rá, Kon Tum); công tác điều tra, đánh giá khoáng sản đã phát hiện và xác định tài nguyên các khu vực khoáng sản có triển vọng, gồm: đất hiếm ở Bảo Thắng (Lào Cai) và Lai Châu, vàng ở Yên Sơn (Tuyên Quang), đồng ở Bát Xát (Lào Cai), fenspat ở Bắc Yên (Sơn La), đá cảnh ở Thanh Sơn (Phú Thọ), cát trắng ở ven biển các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, đá ốp lát ở Gia Lai,... Một số đề án đã điều tra, đánh giá đến độ sâu 500m.

Về khoáng sản và công nghiệp khai khoáng: Đã có **3.182** giấy phép thăm dò khoáng sản được cấp phép, gồm: **332** giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ TN&MT; **2.850** giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh. Đã góp phần gia tăng trữ lượng gần 40 loại khoáng sản, như: đá vôi xi măng gần 1,8 tỷ tấn, than hơn 1,2 tỷ tấn, quặng bauxit gần 900 triệu tấn, đá vật liệu xây dựng thông thường (VLXD TT) gần 1 tỷ m³, đất sét làm gạch ngói trên 650 triệu m³, cát, sỏi trên 400 triệu m³, đá ốp lát khoáng 140 triệu m³ ...).

Đến hết năm 2022, có gần **3.776** giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp đang còn hiệu lực, gồm: **537** giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường; **3.239** giấy phép của UBND cấp tỉnh với trên 50 loại khoáng sản khác nhau. Đã hình thành một số cụm công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản tập trung (than, xi măng, sắt - thép, alumin, vonfram, đồng, đá ốp lát...) đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu; nhiều doanh nghiệp đã đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, nhất là đối với than, vonfram - đa kim, xi măng... giảm tiêu hao điện, năng lượng, giảm tổn thất khoáng sản, sử dụng hiệu quả khoáng sản sau khai thác.

Tuy nhiên, sau 13 năm thực hiện có nhiều vấn đề bất cập, hạn chế, đó là:

Thứ nhất Địa chất là ngành khoa học kỹ thuật tổng hợp, khoa học về trái đất, khi điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, không chỉ phát hiện khoáng sản mà còn điều tra, đánh giá toàn diện cấu trúc địa chất, điều kiện địa chất. Theo

đó, đã làm rõ thông tin, dữ liệu địa chất như: di sản và công viên địa chất; các cấu trúc địa chất thuận lợi để lưu trữ nước, CO₂, chôn lấp chất thải độc hại; về tai biến địa chất và cảnh báo thiên tai; địa chất công trình,... phục vụ các ngành: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp, Du lịch,... quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, Luật Khoáng sản chưa quy định đầy đủ nội dung điều tra cơ bản địa chất như đã nêu trên; chưa quy định nội dung quản lý nhà nước về địa chất, nhất là quản lý thống nhất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành; chưa thống nhất quản lý thông tin, dữ liệu địa chất như Nghị quyết số 10-NQ/TW đã nêu.

Thứ hai Sau 13 năm thực hiện, nhiều quy định của Luật đã bộc lộ những bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, khó khăn khi thực hiện gồm một số vấn đề như: 1) khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng nhất là cát, sỏi lòng sông, đất đá bóc tầng phủ, đất đá thải làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án đầu tư công ...; 2) khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính; 3) vấn đề kiểm soát sản lượng khai thác khoáng sản theo từng giấy phép khai thác khoáng sản; 4) vấn đề phân cấp, phân quyền trong quản lý hoạt động địa chất, khoáng sản; 5) vấn đề cải cách thủ tục hành chính như quy định thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản, nhất là khoáng sản làm VLXDĐT, cát, sỏi lòng sông không còn phù hợp; 6) quy định về khu vực cấm/tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia không phù hợp với thực tiễn; 7) quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản chưa chặt chẽ nhằm bảo đảm khoáng sản được khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, theo mô hình “kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn”; 8) quy định thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản quy mô rất nhỏ (đá chẻ, đất sét) chưa hợp lý như phản ánh của cử tri và đại biểu Quốc hội, bảo đảm công khai, minh bạch.

Thứ ba 13 năm qua, nhiều Luật liên quan đến địa chất, khoáng sản đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới như: Bộ luật Dân sự (2015), Luật Đất đai (2013), Luật Xây dựng (2014, 2020), Luật Đấu giá tài sản (2016), Luật quản lý, sử dụng tài sản công (2017), Luật Bảo vệ môi trường (2020), Luật Đầu tư (2020), Luật Doanh nghiệp (2020), Luật Quy hoạch (2017), Luật Ngân sách nhà nước (2015), Luật Lâm nghiệp (2017), Luật Thủy lợi (2017), Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (2015), Luật Đa dạng sinh học (2018). Tuy nhiên, Luật Khoáng sản chưa được sửa đổi, bổ sung đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

2. Căn cứ chính trị, pháp lý

Điều 53 Hiến pháp 2013 quy định “...*tài nguyên khoáng sản...là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*” đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật Khoáng sản. Đến nay, BCH Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều Nghị quyết¹ với nhiều quan điểm, chính sách về địa chất, khoáng sản cần thể chế hoá.

¹ 06 Nghị quyết: (1) số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; (2) số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 “*Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên...*”.

Đặc biệt, ngày 10/02/2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là căn cứ chính trị quan trọng và là kim chỉ nam định hướng xây dựng Luật Địa chất và Khoáng sản thay thế Luật Khoáng sản nhằm luật hóa các nội dung cần thiết trong quản lý nhà nước đối với hoạt động địa chất, khoáng sản như: (1) quy định cụ thể nội dung điều tra cơ bản địa chất, quan trắc, cảnh báo trong điều tra địa chất, tai biến địa chất, tài nguyên địa chất (tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản, di sản địa chất, công viên địa chất), các điều kiện địa chất khác; (2) thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản phải quản lý tập trung, thống nhất; (3) quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất; (4) quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; (5) việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội... cho địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; (6) hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (7) cấp phép hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản làm VLXDĐT phù hợp với thực tế, nhất là cấp phép cho công trình kết cấu hạ tầng, công trình, dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án đầu tư công; (8) hoàn thiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc thị trường; (9) xây dựng cơ chế kiểm soát gián tiếp hoạt động khai thác khoáng sản phù hợp để bảo đảm tính công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản.

Trên cơ sở thực tiễn và cơ sở chính trị nêu trên, Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản được xây dựng mới mục đích và quan điểm chỉ đạo như sau:

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

- Thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

- Tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bảo đảm minh bạch; khắc phục các bất cập nhằm quản lý thống nhất lĩnh vực địa chất, khoáng sản; quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả khoáng sản.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của Luật Khoáng sản; rà soát quy định của các Nghị định hướng dẫn Luật (quản lý cát, sỏi lòng sông; khoáng sản ở khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia; đấu giá quyền khai thác

tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (3) số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; (4) số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (6) số Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 30/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại”.

khoáng sản; về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản...) có tính ổn định để “Luật hoá”.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là các Luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản; các điều ước và cam kết quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Quan điểm

- Thể chế hoá đầy đủ quan điểm của Nghị quyết số 10-NQ/TW. Theo đó, tài nguyên địa chất, khoáng sản vừa là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vừa là nguồn dự trữ lâu dài của quốc gia cần phải được điều tra, đánh giá và lập quy hoạch, kế hoạch thăm dò đầy đủ, quản lý tập trung, thống nhất; khai thác, sử dụng bền vững, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài.

- Các quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ với các pháp luật liên quan; rõ ràng, dễ hiểu và mang tính khả thi cao, thúc đẩy đầu tư, xã hội hóa đi đôi với tăng cường bảo vệ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, khoáng sản, gắn với yêu cầu phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch; cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, hiệu quả; kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 đang phát huy hiệu quả; bãi bỏ các quy định bất cập; cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành cho phù hợp với thực tiễn và các yêu cầu trong quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, khoáng sản trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương để chủ động trong việc phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với thực tế gắn với trách nhiệm thẩm quyền được giao; đồng thời thiết lập công cụ kiểm soát quyền lực, giám sát thực hiện; xử lý được những tồn tại, tiêu cực trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản được Ban soạn thảo, Tổ biên tập thành lập theo Quyết định số 476/QĐ-BTNMT ngày 06/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng; được Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; các Hội nghề nghiệp, Hiệp hội khai thác khoáng sản; Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI); các Tập đoàn, Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản. Hồ sơ dự án Luật đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ cũng như Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường từ ngày.../.../2023 để lấy ý kiến rộng rãi người dân và doanh nghiệp góp ý trực tiếp cho các dự thảo. Kết quả lấy ý kiến góp ý, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được tổng số: ... văn bản của các Bộ, ngành góp ý; ...văn bản của các địa phương góp ý; văn bản của các Hiệp hội, Tập đoàn, Tổng Công ty, Doanh nghiệp hoạt động khoáng sản góp ý;ý kiến góp ý của người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử.

Ngoài ra, quá trình xây dựng Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức....Hội thảo tại 03 miền (Hà Nội, Đà Nẵng và

TP. Hồ Chí Minh), khảo sát làm việc với các cơ quan, tổ chức tại các tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng, Bà Rịa- Vũng Tàu, Kiên Giang, Lào Cai, Quảng Ninh để tham vấn các ý kiến đối với Dự thảo Luật. Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thực hiện một số Đề tài khoa học cấp Bộ để nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; những tồn tại, hạn chế và bất cập trong quá trình thực thi pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; phân công, phân cấp quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản giữa các Bộ, ngành và địa phương... Các Đề tài khoa học cấp Bộ gồm có:.....).

2. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BC-BTP ngày .../.../2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản cũng như các báo cáo gồm: 1) giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp kèm theo; 2) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; 3) Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính... để trình Chính phủ cho ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật Địa chất và Khoáng sản tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2023.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản đã bám sát vào 05 chính sách và Đề cương đã được Chính phủ thống nhất thông qua và không bổ sung chính sách mới, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản; điều tra địa chất, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên địa chất; thăm dò, khai thác và bảo vệ khoáng sản trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Dầu khí, các loại nước thiên nhiên khác không phải là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

2. Đối tượng áp dụng: (1) Cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản; tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; tổ chức, cá nhân hoạt động điều tra địa chất, khoáng sản; (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; hoạt động điều tra địa chất, khoáng sản.

3. Bố cục dự thảo Luật

Dự thảo Luật được xây dựng gồm **132** Điều và được bố cục thành **13** Chương, cụ thể như sau:

- **Chương I.** Quy định chung, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8).
- **Chương II.** Bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác gồm 05 Điều (từ Điều 9 đến Điều 13).
- **Chương III.** Chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản, gồm 06 Điều (từ Điều 14 đến Điều 19).
- **Chương IV.** Điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, gồm 16 Điều (từ Điều 20 đến Điều 35).

- **Chương V.** Khu vực khoáng sản và quản lý khoáng sản ở khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, gồm 12 Điều (từ Điều 36 đến Điều 47).

- **Chương VI.** Bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, khu vực biển hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản, gồm 04 Điều (từ Điều 48 đến Điều 51).

- **Chương VII.** Thăm dò khoáng sản, gồm 16 Điều (từ Điều 52 đến Điều 67).

- **Chương VIII.** Khai thác khoáng sản, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ và khai thác tận thu khoáng sản, gồm 33 Điều (từ Điều 68 đến Điều 100).

- **Chương IX.** Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và vùng biển gồm 04 Điều (từ Điều 101 đến Điều 104).

- **Chương X.** Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gồm 18 Điều (từ Điều 105 đến Điều 122).

- **Chương XI.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, gồm 04 Điều (từ Điều 123 đến Điều 126).

- **Chương XII.** Hội nhập và Hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản gồm 02 Điều (từ Điều 127 đến Điều 128).

- **Chương XIII.** Điều khoản thi hành, gồm 04 Điều (từ Điều 129 đến Điều 132).

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

4.1. Chương I. Quy định chung, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8)

- Chương này quy định những nội dung về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 3); Chính sách của Nhà nước về địa chất, khoáng sản (Điều 4); Nguyên tắc hoạt động địa chất, khoáng sản (Điều 5); Quyền lợi của địa phương và cộng đồng dân cư nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác (Điều 6); Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (Điều 7); Những hành vi bị cấm (Điều 8).

- Kế thừa, hoàn thiện các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 về phạm vi điều chỉnh, chính sách của nhà nước và các nguyên tắc hoạt động khoáng sản, quyền lợi của người dân nơi có khoáng sản cũng như những hành vi bị cấm trong hoạt động khoáng sản.

- Sửa đổi, bổ sung như sau: Bổ sung quy định đối tượng áp dụng; các thuật ngữ về giải thích từ ngữ; các quy định đối với về chính sách của nhà nước đối với hoạt động địa chất; nguyên tắc hoạt động địa chất; quyền lợi của địa phương và cộng đồng dân cư nơi có tài nguyên địa chất; quy định tiêu các tiêu chí xác định khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; các hành vi bị cấm đối với hoạt động địa chất.

4.2. Chương II. Bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác, gồm 05 Điều (từ Điều 9 đến Điều 13)

- Chương này quy định những nội dung về: Trách nhiệm chung về bảo vệ

tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác (Điều 9); Trách nhiệm bảo vệ khoáng sản của tổ chức, cá nhân (Điều 10); Trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 11); Trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 12); Kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác (Điều 13).

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 trách nhiệm chung về bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của các tổ chức, cá nhân và Ủy ban nhân dân các cấp và các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm chung về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác (Điều 9); theo đó, bổ sung trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất và làm rõ tài nguyên địa chất chưa khai thác cũng như tài nguyên khoáng sản chưa khai thác cần thiết phải bảo vệ.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định trách nhiệm bảo vệ khoáng sản của tổ chức, cá nhân (Điều 10), cụ thể đối với khu vực đã được cấp giấy phép khai thác nhưng chưa hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để được hỗ trợ việc bảo vệ khoáng sản tại khu vực đó; đối với khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, đô thị, khu dân cư tập trung nếu phát hiện khoáng sản phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép, tổ chức bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

+ Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 11) theo đó, Ủy ban nhân dân các cấp phải huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để theo dõi, phát hiện, ngăn chặn và giải tỏa hoạt động khoáng sản trái phép tại địa phương.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 12), theo đó bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản; Bộ Quốc phòng bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại khu vực biên giới, hải đảo, khu vực cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác (Điều 13). Bổ sung nội dung kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên địa chất

4.3. Chương III. Chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản, gồm 06 Điều (từ Điều 14 đến Điều 19)

- Chương này quy định những nội dung: Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng (Điều 14); Quy hoạch khoáng sản (Điều 15); Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản (Điều 16); Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ (Điều 17); Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng (Điều 18); Điều chỉnh quy hoạch khoáng sản (Điều 19).

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 về chiến lược, quy hoạch khoáng sản.

- Sửa đổi, bổ sung như sau: Sửa đổi, bổ sung chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; sửa đổi, bổ sung và hợp nhất quy định về quy hoạch khoáng sản theo quy định của Luật Quy hoạch và Luật Khoáng sản năm 2010.

4.4. Chương IV. Chương IV. Điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, gồm 18 Điều (từ Điều 20 đến Điều 35).

- Chương này quy định những nội dung: Nội dung và trách nhiệm điều tra cơ bản địa chất (Điều 20); Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế (Điều 21); Điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất (Điều 22); Điều tra địa chất công trình, địa chất đô thị (Điều 23); Điều tra điều kiện địa chất khác (Điều 24); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hoạt động điều tra cơ bản địa chất (Điều 25); Nội dung điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản (Điều 26); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản (Điều 27); Nguyên tắc tham gia đầu tư, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản (Điều 28); Đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (Điều 29);, khu Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản (Điều 30); Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu, mẫu vật điều tra cơ bản địa chất điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản (Điều 31); Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu, mẫu vật điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản (Điều 32); Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản, thăm dò khoáng sản (Điều 33); Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản tài nguyên địa chất về tài nguyên khoáng sản, khoáng sản, thăm dò khoáng sản và Bảo tàng địa chất (Điều 34); Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản (Điều 35).

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 về điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; quyền và nghĩa vụ của tổ chức điều tra hoặc tham gia điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra địa chất, khoáng sản.

- Quy định mới: Các nội dung và hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra tài nguyên địa chất; điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực có di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế; điều tra địa chất công trình, địa chất đô thị; điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất; điều tra điều kiện địa chất khác.

4.5. Chương V. Khu vực khoáng sản và quản lý khoáng sản ở khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, gồm 12 Điều (từ Điều 36 đến Điều 47)

- Chương này quy định những nội dung: Phân loại khu vực khoáng sản

(Điều 36); Khu vực hoạt động khoáng sản, khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản (Điều 37); Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Điều 38); Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ (Điều 39); Khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia (Điều 40); Khoanh định khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia (Điều 41); Hồ sơ đề nghị phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia (Điều 42); Điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia (Điều 43); Thời gian dự trữ tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia (Điều 44); Quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia (Điều 45); Thực hiện dự án đầu tư, công trình tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia (Điều 46); Bồi thường thiệt hại khi thu hồi dự án đầu tư (Điều 47).

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 về phân loại khu vực khoáng sản, khu vực hoạt động khoáng sản, khu vực cấm tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Sửa đổi, bổ sung như sau: cập nhật những nội dung bất cập trong thời gian qua liên quan đến khu vực quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng tự nhiên.

- Quy định mới: Luật hóa các quy định khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia tại Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

4.6. Chương VI. Bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, khu vực biển, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản, gồm 04 Điều (từ Điều 48 đến Điều 51)

- Chương này quy định những nội dung: Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản (Điều 48); Sử dụng đất, khu vực biển, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản (Điều 49); Sử dụng nước trong hoạt động khoáng sản (Điều 50); Bảo hiểm trong hoạt động khoáng sản (Điều 51).

- Kế thừa các quy định nêu trên của Luật Khoáng sản năm 2010.

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với Luật Tài nguyên và Môi trường biển liên quan đến việc sử dụng khu vực biển trong hoạt động khoáng sản.

4.7. Chương VII. Thăm dò khoáng sản, gồm 16 Điều (từ Điều 52 đến Điều 67)

- Chương này quy định những nội dung: Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản (Điều 52); Điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản (Điều 53); Lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản (Điều 54); Lựa chọn diện tích để lập đề án thăm dò khoáng sản (Điều 55); Diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Điều 56); Đề án thăm dò khoáng sản (Điều 57); Nguyên tắc và điều kiện cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 58); Giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 59); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 60); Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Điều 61); Thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng; khoáng sản độc hại (Điều 62); Quyền ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản (Điều 63); Hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển

nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Điều 64); Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Điều 65); Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 66); Hồ sơ, thủ tục thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Điều 67).

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 quy định về thăm dò khoáng sản.

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung cho phù hợp với thực tiễn để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thời gian qua khi thi hành các quy định về thăm dò khoáng sản.

4.8. Chương VIII. Khai thác khoáng sản, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ và khai thác tận thu khoáng sản, gồm 35 Điều (từ Điều 68 đến Điều 100)

- Chương này quy định những nội dung: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (Điều 68); Khu vực khai thác khoáng sản (Điều 69); Nguyên tắc và điều kiện cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Điều 70); Giấy phép khai thác khoáng sản (Điều 71); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (Điều 72); An toàn lao động, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản (Điều 73); Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản (Điều 74); Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Điều 75); Thiết kế mỏ (Điều 76); Giám đốc điều hành mỏ (Điều 77); Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác (Điều 78); Thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác; kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại và quyết toán tài nguyên khoáng sản (Điều 79); Khai thác khoáng sản độc hại có chứa chất phóng xạ (Điều 80); Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (Điều 81); Khai thác khoáng sản không phải là vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (Điều 82); Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Điều 83); Khoanh định khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ (Điều 84); Đối tượng, thời hạn khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ (Điều 85); Hồ sơ, thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ (Điều 86); Quyền và nghĩa vụ khi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ (Điều 87); Thu hồi giấy xác nhận bản đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ (Điều 88); Khai thác tận thu khoáng sản (Điều 89); Thời hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Điều 90); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản (Điều 91); Hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Điều 92); Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Điều 93); Các trường hợp phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 94); Hồ sơ đề nghị phê duyệt, điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 95); Thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 96); Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 97); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 98); Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng

sản (Điều 99); Thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 100).

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 quy định về khai thác khoáng sản; bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác.

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung cho phù hợp với thực tiễn để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thời gian qua khi thi hành các quy định về khai thác khoáng sản liên quan đến đóng cửa mỏ khoáng sản, khai thác khoáng sản trong dự án đầu tư xây dựng công trình, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; trình tự, thủ tục hành chính về khai thác khoáng sản; quy định rõ về thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế, kèm kê trữ lượng khoáng sản còn lại; quy định về giám đốc điều hành mỏ cho phù hợp với thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản; điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ.

- Quy định mới quy định về: Khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm; khai thác khoáng sản quy mô nhỏ; tổ chức thực hiện; nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ.

4.9. Chương IX. Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển gồm 04 Điều (từ Điều 101 đến Điều 104)

- Chương này quy định những nội dung: Nguyên tắc hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và ở khu vực biển (Điều 101); Nguyên tắc cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển (Điều 102); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển (Điều 103); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển trong quá trình nạo vét (Điều 104).

- Quy định mới, Luật hóa quy định Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2023 của Chính phủ quy định về cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; quy định mới về quản lý cát ở vùng biển. Theo đó, quy định nguyên tắc của: 1) Hoạt động thăm dò, khai thác; 2) Hoạt động thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và ở khu vực biển; 3) Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác; 4) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hồi cát, sỏi.

4.10. Chương X. Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gồm 18 Điều (từ Điều 105 đến Điều 122).

- Chương này quy định những nội dung: Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động điều tra cơ bản địa chất và hoạt động khoáng sản (Điều 105); Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Điều 106); Nguyên tắc xác định hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư (Điều 107); Phương pháp xác định chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư (Điều 108); Phương thức hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư (Điều 109); Hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân (Điều 110); Căn cứ, phương pháp tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Điều 111); Trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

(Điều 112); Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Điều 113); Phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Điều 114); Quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Điều 115); Khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Điều 116); Nguyên tắc đấu giá (Điều 117); Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền đặt cọc (Điều 118); Hồ sơ mời đấu giá, hồ sơ tham gia đấu giá (Điều 119); Điều kiện của tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá (Điều 120); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá và tổ chức, cá nhân trúng đấu giá (Điều 121); Hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá (Điều 122).

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 quy định về tài chính về khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung cho phù hợp với thực tiễn để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thời gian qua khi thi hành các quy định liên quan đến tài chính về khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Quy định mới, Luật hóa quy định Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

4.11. Chương XI. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, gồm 04 Điều (từ Điều 123 đến Điều 126)

- Chương này quy định những nội dung: Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 123); Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 124); Thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, đăng ký khai thác quy mô nhỏ (Điều 125); Thanh tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản (Điều 126).

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 về trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương.

- Sửa đổi, bổ sung làm rõ trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương.

- Quy định mới trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

4.12. Chương XII. Hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản gồm 02 Điều (từ Điều 127 đến Điều 128)

- Quy định mới Nguyên tắc hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản (Điều 127); Trách nhiệm trong hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất,

khoáng sản (128).

4.13. Điều khoản thi hành, gồm 04 Điều (từ Điều 129 đến Điều 132)

Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản

- Chương này quy định những nội dung: Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản (Điều 129); Điều khoản chuyển tiếp (Điều 130); Hiệu lực thi hành (Điều 131); Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành (Điều 132).

- Kế thừa các quy định cũ của Luật Khoáng sản năm 2010.

- Sửa đổi, bổ sung các Điều khoản của các Luật có liên quan như Luật quy hoạch; Luật Thủy lợi...

Dự thảo Luật không có quy định nào tạo ra sự phân biệt về giới và nội dung quy định trong dự thảo Luật tương thích với điều ước quốc tế có liên quan về quyền con người (công ước CEDAW) mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Địa chất và Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Tài liệu gửi kèm: (1) Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản; (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Địa chất và Khoáng sản; (6) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật Địa chất và Khoáng sản; (7) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (8) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan kèm theo bản sao ý kiến góp ý; (9) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (10) Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Khoáng sản năm 2010; (11) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế; (12) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VP, PC, ĐCVN, KSVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quý Kiên